

Phụ lục I

Đơn vị: Sở Tài nguyên và Môi trường Bình Định

Chương: 426

Mã số đơn vị: 1047394

PHÂN BỐ ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN NGÂN SÁCH TỈNH NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-STNMT ngày tháng 12 năm 2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Định)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	NỘI DUNG CHI	TỔNG CỘNG	Văn phòng Sở	Chi cục Bảo vệ Môi trường	Chi cục Quản lý đất đai	Trung tâm Quan trắc tài nguyên và môi trường	Trung tâm Phát triển quỹ đất	Ghi chú
	Mã số đơn vị		1047395	1093017	1119229	1118283	1122260	
	Loại		340	340	340	250	280	
	Khoản		341	341	341	251	332	
	<u>CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG</u>	1.098,00	192,50	628,00	96,00	68,23	113,27	
1	Chi quản lý hành chính	916,50	192,50	628,00	96,00	-	-	
1.1	Tổng dự toán NSNN giao	916,50	192,50	628,00	96,00	-	-	
	- Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	916,50	192,50	628,00	96,00	-	-	
	- Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	-	-	-	-	-	-	
1.2	Dự toán ngân sách quản lý	-	-	-	-	-	-	
1.3	Dự toán đơn vị còn được sử dụng trong năm	916,50	192,50	628,00	96,00	-	-	
1.3.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	916,50	192,50	628,00	96,00	-	-	
	- Sử dụng 10% tiết kiệm chi thường xuyên thực hiện cải cách tiền lương năm 2021 chuyển sang năm 2022 và nguồn thu thực hiện nhiệm vụ tiền lương tại đơn vị theo kết luận kiểm toán tại Báo cáo kiểm toán ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh Bình Định kèm theo Văn bản số 539/KTNN-TH ngày 07/9/2022 của Kiểm toán Nhà nước khu vực III. Cụ thể:	916,50	192,50	628,00	96,00	-	-	
	+ Điều chỉnh giảm 10% tiết kiệm chi thường xuyên thực hiện cải cách tiền lương năm 2021 chuyển sang năm 2022 (mã nguồn 14); Điều chỉnh tăng tương ứng nguồn kinh phí tự chủ (mã nguồn 13)	478,77	166,36	233,70	78,71	-	-	

TT	NỘI DUNG CHI	TỔNG CỘNG	Văn phòng Sở	Chi cục Bảo vệ Môi trường	Chi cục Quản lý đất đai	Trung tâm Quan trắc tài nguyên và môi trường	Trung tâm Phát triển quỹ đất	Ghi chú
	Mã số đơn vị		1047395	1093017	1119229	1118283	1122260	
	Loại		340	340	340	250	280	
	Khoản		341	341	341	251	332	
	+ Sử dụng nguồn thu thực hiện nhiệm vụ tiền lương tại đơn vị (gồm: số thu được để lại theo chế độ thực hiện cải cách tiền lương năm 2021 chưa sử dụng hết chuyển sang năm 2022 và nguồn thu năm 2022 (*))	437,73	26,14	394,30	17,29	-	-	
1.3.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	-	-	-	-	-	-	
1.4	Dự toán còn lại chưa phân bổ	-	-	-	-	-	-	
2	Sự nghiệp bảo vệ môi trường	68,23	-	-	-	68,23	-	
2.1	Tổng dự toán NSNN giao	68,23	-	-	-	68,23	-	
2.1.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	68,23	-	-	-	68,23	-	
	- Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	68,23	-	-	-	68,23	-	
	- Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	-	-	-	-	-	-	
2.1.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	-	-	-	-	-	-	
2.2	Dự toán ngân sách quản lý	-	-	-	-	-	-	
2.3	Dự toán đơn vị còn được sử dụng trong năm	68,23	-	-	-	68,23	-	
2.3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	68,23	-	-	-	68,23	-	
	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	68,23	-	-	-	68,23	-	
	- Điều chỉnh giảm dự toán kinh phí đã giao theo Quyết định số 4950/QĐ-UBND ngày 12/12/2021 của UBND tỉnh	-36,00				-36,00		
	- Sử dụng 10% tiết kiệm chi thường xuyên thực hiện cải cách tiền lương năm 2021 chuyển sang năm 2022 và nguồn thu thực hiện nhiệm vụ tiền lương tại đơn vị theo kết luận kiểm toán tại Báo cáo kiểm toán ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh Bình Định kèm theo Văn bản số 539/KTNN-TH ngày 07/9/2022 của Kiểm toán Nhà nước khu vực III. Cụ thể:	104,23	-	-	-	104,23	-	

TT	NỘI DUNG CHI	TỔNG CỘNG	Văn phòng Sở	Chi cục Bảo vệ Môi trường	Chi cục Quản lý đất đai	Trung tâm Quan trắc tài nguyên và môi trường	Trung tâm Phát triển quỹ đất	Ghi chú
	Mã số đơn vị		1047395	1093017	1119229	1118283	1122260	
	Loại		340	340	340	250	280	
	Khoản		341	341	341	251	332	
	+ Điều chỉnh giảm 10% tiết kiệm chi thường xuyên thực hiện cải cách tiền lương năm 2021 chuyển sang năm 2022 (mã nguồn 14); Điều chỉnh tăng tương ứng nguồn kinh phí tự chủ (mã nguồn 13)	71,63				71,63		
	+ Sử dụng nguồn thu thực hiện nhiệm vụ tiền lương tại đơn vị (gồm: số thu được để lại theo chế độ thực hiện cải cách tiền lương năm 2021 chưa sử dụng hết chuyển sang năm 2022 và nguồn thu năm 2022 (*))	32,60				32,60		
	- Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	-	-	-	-	-	-	
2.3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	-	-	-	-	-	-	
2.4	Dự toán còn lại chưa phân bổ	-	-	-	-	-	-	
3	Sự nghiệp kinh tế	113,27	-	-	-	-	113,27	
3.1	Tổng dự toán NSNN giao	113,27	-	-	-	-	113,27	
3.1.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	113,27	-	-	-	-	113,27	
	- Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	113,27	-	-	-	-	113,27	
	- Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	-	-	-	-	-	-	
3.1.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	-	-	-	-	-	-	
3.2	Dự toán ngân sách quản lý	-	-	-	-	-	-	
3.3	Dự toán đơn vị còn được sử dụng trong năm	113,27	-	-	-	-	113,27	
3.3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	113,27	-	-	-	-	113,27	
	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	113,27	-	-	-	-	113,27	
	- Cấp bổ sung kinh phí cho đơn vị	2,00	-	-	-	-	2,00	

TT	NỘI DUNG CHI	TỔNG CỘNG	Văn phòng Sở	Chi cục Bảo vệ Môi trường	Chi cục Quản lý đất đai	Trung tâm Quan trắc tài nguyên và môi trường	Trung tâm Phát triển quỹ đất	Ghi chú
	Mã số đơn vị		1047395	1093017	1119229	1118283	1122260	
	Loại		340	340	340	250	280	
	Khoản		341	341	341	251	332	
	- Sử dụng 10% tiết kiệm chi thường xuyên thực hiện cải cách tiền lương năm 2021 chuyển sang năm 2022 và nguồn thu thực hiện nhiệm vụ tiền lương tại đơn vị theo kết luận kiểm toán tại Báo cáo kiểm toán ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh Bình Định kèm theo Văn bản số 539/KTNN-TH ngày 07/9/2022 của Kiểm toán Nhà nước khu vực III. Cụ thể:	111,27	-	-	-	-	111,27	
	+ Điều chỉnh giảm 10% tiết kiệm chi thường xuyên thực hiện cải cách tiền lương năm 2021 chuyển sang năm 2022 (mã nguồn 14); Điều chỉnh tăng tương ứng nguồn kinh phí tự chủ (mã nguồn 13)	85,60	-	-	-	-	85,60	
	+ Sử dụng nguồn thu thực hiện nhiệm vụ tiền lương tại đơn vị (gồm: số thu được để lại theo chế độ thực hiện cải cách tiền lương năm 2021 chưa sử dụng hết chuyển sang năm 2022 và nguồn thu năm 2022 (*))	25,67	-	-	-	-	25,67	
	- Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	-	-	-	-	-	-	
3.3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	-	-	-	-	-	-	
3.4	Dự toán còn lại chưa phân bổ	-	-	-	-	-	-	
	Địa điểm KBNN nơi đơn vị SDNS giao dịch	KBNN tỉnh Bình Định						

Lưu ý: Thứ tự đơn vị sử dụng nguồn tại mục (*) như sau:

- Số thu được để lại theo chế độ thực hiện cải cách tiền lương năm 2021 chưa sử dụng hết chuyển sang năm 2022 (nếu có).
- Sử dụng Nguồn thu tại đơn vị năm 2022 (được tính vào chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động cung cấp dịch vụ, thu phí)